

ĐẠM PHƯƠNG NỮ SỬ

NHÀ VĂN HOÁ TIÊN PHONG NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX

Đỗ Bang

Phó Chủ tịch Hội KHLS Việt Nam

dobangkh@gmail.com

Ngày nhận bài: 07/12/2015; Ngày duyệt đăng: 14/3/2016

TÓM TẮT

Đạm Phương là nữ trí thức yêu nước tiêu biểu trong nửa đầu thế kỷ XX. Trên các tiêu chí được tiếp cận về văn hoá, tuy Đạm Phương nữ sử đã được tôn vinh với nhiều danh hiệu cao quý khác nhau, nhưng sự nghiệp của Đạm Phương bao trùm lên tất cả là sự nghiệp văn hoá, bà là danh nhân văn hoá của đất nước, là nữ danh nhân văn hoá tiêu biểu trong trào lưu canh tân yêu nước vào nửa đầu thế kỷ XX.

Từ khóa: Đạm Phương.

ABSTRACT

Female Historian Dam Phuong – an intellectual pioneer in the early twentieth century

Dam Phuong was a typical patriotic female intellectual in the early twentieth century. According to the cultural access criteria, although Dam Phuong has been honored with different noble titles, she has been considered a national cultural celebrity and typical female cultural celebrity of the patriotic revolution in the early twentieth century.

Keywords: *Đạm Phương.*

1. Bối cảnh lịch sử

Cuộc đời và sự nghiệp văn hoá của Đạm Phương nữ sử gắn với Huế vào giai đoạn có nhiều biến động nhất của lịch sử cận đại Việt Nam. Bà sinh ra trong một gia đình thuộc nhất hoàng phái trong bối cảnh suy yếu của triều Nguyễn. Năm bà 2 tuổi vua Tự Đức qua đời, quân Pháp đánh vào Thuận An và uy hiếp Kinh đô Huế, triều đình phải hạ bút ký với Pháp hoà ước Quý Mùi (1883), năm sau buộc phải ký tiếp hoà ước Giáp Thân, Triều đình Huế trao chủ quyền cho Pháp.

Trước hành sự ngang ngược của Pháp, phe chủ chiến trong triều đã nắm quyền triều chính để điều hành việc nước. Những vua tán thành đường lối yêu nước chống Pháp được Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết tấn tôn; các vua và hoàng thân, triều thần có quan điểm ngược lại thì bị phế bỏ. Vua Dục Đức, Hiệp Hoà cùng nhiều hoàng thân, quốc thích trong đó có Miên Triện là thân phụ của Công nữ Đồng Canh (sau này lấy bút hiệu Đạm Phương nữ sử) do ủng hộ vua Hiệp Hoà nên bị tịch biên gia sản, đày vào Phú Yên lúc bà mới tròn 3 tuổi (6-1884) cho đến tháng 10 năm Ất Dậu (1885) mới được trở về Huế.

Sau sự kiện thất thủ kinh đô 5/7/1885, Pháp lập lên vua Đồng Khánh, phe thân Pháp được khôi phục địa vị. Tháng 10 năm Ất Dậu (1885),

các hoàng thân, vương công bị bãi chức và bị đày nay được phục hồi quan hàm: Miên Trinh được phục hồi Tuy Lý công, Quỳnh Quốc công Miên Triện được phục hồi Triệu Phong quận công; Hải Ninh Quận công Miên Tranh, Kỳ Phong Quận công Hồng Đỉnh, Tuy Lý Huyện công Hồng Tư đều được phục hồi tước cũ [3, tr.67].

Có lẽ vì thế nên gia đình Quốc công Miên Triện được các vua triều Nguyễn kế tiếp trọng dụng, con cái được học hành tử tế, Công nữ Đồng Canh được bổ dụng vào dạy cho các cung nữ dưới triều vua Thành Thái (1889-1907) và Duy Tân (1907-1916). Đây là thời kỳ ở Huế xuất hiện trào lưu yêu nước mà đặc biệt là tư tưởng canh tân và cuộc vận động duy tân đất nước; trong đó có các sự kiện: Thành lập Duy Tân Hội (1904), hoạt động tích cực của phong trào Đông Du (1905-1909), phong trào chống thuế mạnh mẽ ở Thừa Thiên Huế năm 1908 có sự tham gia của học sinh Nguyễn Sinh Cung (sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh), bị Pháp đàn áp đẫm máu. Đặc biệt là cuộc vận động khởi nghĩa chống Pháp của vua Duy Tân do Thái Phiên và Trần Cao Vân phát động vào năm 1916 đã lan rộng trên khắp các tỉnh Trung Kỳ.

Với Công nữ Đồng Canh, bà được hấp thu từ nền giáo dục của gia đình, ảnh hưởng của thân

phụ nhất là sau lần Miên Triện được triều đình cử dẫn đầu phái đoàn đi sứ sang Pháp vào năm 1889, về nước ông viết tập hồi ký *Tây hành nhật trình diễn âm*. Bà được phục vụ trong cung dưới hai triều vua yêu nước Thành Thái và Duy Tân, được tác động của các trào lưu yêu nước canh tân của thế giới và trong nước. Với một nền tảng văn hoá truyền thống vững chắc thông qua Hán học uyên thâm cùng sự am hiểu thành thạo về Quốc ngữ, chữ Pháp nên bà dễ dàng tiếp nhận nền văn minh phương Tây. Chính vì thế, hơn những người cùng thời, Công nữ Đồng Canh thoát khỏi “tư duy cung cấm” để vươn lên bắt nhịp với trào lưu canh tân của thời đại và trở thành người mở đầu cho dòng chảy yêu nước canh tân từ trong cung đình Huế, đại diện cho phụ nữ quý tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Từ sau cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 và sau Chiến tranh thế giới lần thứ I (1914-1918), phong trào yêu nước ở Huế có nhiều chuyển biến tích cực về cả hai phương diện dân chủ và dân tộc. Năm 1918, năm cuối cùng triều đình Huế mở khoa Hương tại Huế và năm sau là năm kết thúc kỳ thi Hội bằng chữ Hán để hướng đến mở rộng học thuật tân tiến và được quảng bá bằng chữ Quốc ngữ. Đây cũng là thời kỳ xuất hiện rất nhiều tờ báo có chuyên mục về phụ nữ và đấu tranh nữ quyền bằng chữ Quốc ngữ đã tác động đến công chúng Thừa Thiên Huế, sôi động nhất là những năm đầu 20 của thế kỷ XX. Khí thế đấu tranh của mọi tầng lớp nhân dân Thừa Thiên Huế được biểu dương mạnh mẽ trong cuộc đấu tranh đòi ân xá nhà yêu nước Phan Bội Châu vào năm 1925. Cuối cùng Toàn quyền Varenne phải hủy bản án tù khổ sai chung thân và đưa cụ Phan về giam lỏng tại Huế. Đây là cơ hội để những người dân Huế, trong đó có Đạm Phương gạn gửi đề cụ Phan truyền lửa yêu nước cùng phương pháp và nghị lực đấu tranh. Năm 1926, thực dân Pháp cho thành lập Viện Dân biểu Trung Kỳ đóng tại Huế cũng là dịp để những người Huế yêu nước biểu dương tinh thần đấu tranh dân chủ thông qua nghị trường, nhất là nhiệm kỳ do cụ Huỳnh Thúc Kháng làm Viện trưởng (1926-1929) mà chồng bà - ông Nguyễn Khoa Tung là nghị viên Dân biểu Trung Kỳ của khóa đầu tiên này. Trong giai đoạn này, ở Huế tờ báo Tiếng Dân ra đời, cụ Huỳnh Thúc Kháng đã

nhờ ngôi nhà của bà làm cơ sở cho những ngày đầu để báo Tiếng Dân hoạt động. Các hoạt động tổ chức lễ Truy điệu nhà yêu nước Phan Châu Trinh; thành lập Nữ công Học hội, một tổ chức xã hội - nghề nghiệp của phụ nữ đầu tiên của Việt Nam được ra đời tại Huế (15/6/1926) do nữ sử Đạm Phương sáng lập và làm Hội trưởng.

Phong trào đọc sách báo bằng chữ Quốc ngữ từ Huế lan rộng đến các vùng nông thôn, phong trào đấu tranh của thầy giáo và học sinh ở các trường Quốc học, Đồng Khánh, Kỹ nghệ thực hành... rất sôi nổi đã đưa đến cuộc tổng bãi khoá vào năm 1927.

Năm 1927, Tỉnh bộ Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội Thừa Thiên thành lập. Tiếp đó, Tỉnh uỷ lâm thời Tân Việt cũng thành lập với những nhân vật lãnh đạo có quan hệ với Đạm Phương như Đào Duy Anh (Tổng Bí thư Trung ương Đảng), Phan Đăng Lưu (Thường vụ Trung ương Đảng); ở tỉnh Thừa Thiên có Trần Hữu Duẫn (Bí thư) và các vị Nguyễn Khoa Văn (con của bà Đạm Phương), Nguyễn Chí Diều...

Trong đợt khủng bố của thực dân Pháp năm 1929, lãnh đạo đảng Tân Việt và hội Thanh niên cùng những người liên quan đều bị bắt trong đó có bà Đạm Phương.

Giai đoạn trước và sau năm 1930, là thời kỳ ra đời các tổ chức tiền thân của Đảng tại Thừa Thiên Huế trong đó có vai trò của Nguyễn Khoa Văn, với tư cách đại biểu Đảng Tân Việt ở Nam Kỳ cùng tham gia hội nghị để chuyển tổ chức Tân Việt thành Đông Dương Cộng sản liên đoàn vào tháng 1/1930. Sau khi hợp nhất các tổ chức đảng, tháng 4/1930, Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Thừa Thiên được thành lập và lãnh đạo phong trào cách mạng trong tỉnh, nhưng đến cuối năm bị địch đàn áp khốc liệt. Vào những năm 1936-1939, phong trào được khôi phục, hoạt động sôi nổi theo hướng đấu tranh dân chủ, dân sinh thông qua báo chí, nghị trường đã tạo nên các cuộc mít tinh, biểu tình nhằm biểu dương lực lượng cách mạng. Phong trào lại bị địch đàn áp cho đến sau Nhật đảo chính Pháp mới có cơ hội khôi phục và được Đảng đã lãnh đạo cùng nhân dân làm nên cuộc cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Bối cảnh lịch sử trong nước và tại Thừa Thiên Huế đã tác động trực tiếp đến cuộc đời và

sự nghiệp của Đạm Phương.

Cuộc đời của Công Nữ Đồng Canh - nữ sử Đạm Phương có thể chia làm 3 giai đoạn:

Từ năm 1881 đến năm 1917 (từ nhỏ đến năm 36 tuổi): Đi học, lập gia đình, vào cung dạy cho các cung nữ dưới triều vua Thành Thái, Duy Tân, với chức danh nữ sử.

Từ năm 1918-1929 (37-48 tuổi): Là thời kỳ bà hoạt động sôi nổi nhất: Viết báo, viết tiểu thuyết, sáng tác thơ văn, dịch thuật, sưu khảo tài liệu, biên soạn sách tuồng, thành lập Nữ công Học hội, giao lưu với nhiều nhà yêu nước như Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng, Đào Duy Anh... cô suý doanh nghiệp, thực nghiệp, đấu tranh cho nữ quyền... và bị giặc bắt giam.

Từ năm 1930-1947 (49-66 tuổi): Bà tiếp xúc nhiều chiến sĩ cách mạng, hun đúc khí tiết cho các con để làm cách mạng, đầu tư nghiên cứu, dịch thuật, biên khảo về sách giáo dục gia đình, phụ nữ, nhi đồng, nghiên cứu Phật học, hồi ức để viết tiểu thuyết lịch sử; các biến cố đau thương trong gia đình, bà đi tu, tản cư ra Thanh Hoá và qua đời.

2. Đạm Phương - Nhà văn hoá tiên phong

Về tính tiên phong của nhà văn hoá Đạm Phương mang có thể khảo sát trên các bình diện sau:

a. Những giá trị văn hoá đặc trưng

- Đó là các sản phẩm trí tuệ bao gồm: các bài báo, tiểu thuyết, thơ, văn, từ khúc, câu đối, sách biên khảo về tuồng, giáo dục, phụ nữ; sách dịch thuật, công trình nghệ thuật... rất có giá trị về văn hóa, tư tưởng, được bà thể hiện trên các văn đàn, báo chí. Năm 1918, Đạm Phương bắt đầu viết báo. Sau đó, bà được mời làm biên tập, trợ bút cho nhiều tờ báo, tạp chí ở Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ như: Tạp chí Nam Phong, Lục tỉnh Tân văn, Hữu Thanh, Trung Bắc Tân văn, Thực nghiệp dân báo, Phụ nữ Tân văn, Tiếng Dân. Bà là người sáng lập tờ báo Phụ nữ Tùng san ở Huế vào tháng 5-1929. Theo thống kê bước đầu của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm, riêng về báo chí, bà có đến 181 bài, ngoài ra còn:

- 42 bài thơ, kể cả từ khúc, câu đối,

- 4 tiểu thuyết: *Kim Tú Cầu* (xuất bản thành sách 1928); *Hồng phần tương tri* (xuất bản thành sách năm 1929) tìm được từ một Thư viện Paris; Chung Kỳ Vinh đăng trên *Lục tỉnh tân văn* từ đầu tháng 7/1924 đến 19/1/1925 (kết thúc), 50 năm

về trước...

- Thơ chữ Hán có các tập: *Đông quán thi tập*, *Tú dư xích độc*, *Hiệp bích thi cao* (tập thơ cùng làm với chồng). Cả ba tập thơ trên đều bị thất lạc.

- 5 tập khảo cứu: *Lược khảo về Tuồng hát An Nam* (1923), *Bàn về vấn đề giáo dục con gái*, *Phụ nữ dự gia đình*, *Giáo dục nhi đồng*, *Nữ công thường thức*.

Đạm Phương nữ sử là một trong những nữ ký giả tên tuổi xuất hiện rất sớm trên nhiều tờ báo có số độc giả đông của nước ta vào những thập niên đầu của thế kỷ XX, bà là người chịu trách nhiệm cho mục *Văn chương nữ giới* trên tạp chí *Hữu Thanh*. Những bài viết của bà một mặt khuyến khích phụ nữ học tập, học nghề để tham gia công việc xã hội, mặt khác vẫn đề cao việc giữ gìn những truyền thống của phụ nữ là đảm đương việc gia đình và nuôi dạy con cái [1, tr.364]. Bà là tác giả của chuyên mục *Lời đàn bà* trên báo *Thực nghiệp*, thành viên của Ban Biên tập *Nữ lưu thư quán Gò Công*. Đặc biệt với vai trò trợ bút và giữ chuyên mục *Văn đàn bà* cho báo *Trung Bắc Tân Văn* liên tục trong 10 năm (1919-1928). Do vậy, tên tuổi của Đạm Phương trở nên gần gũi, thân thuộc trong báo giới và được nhiều bạn đọc mến mộ. Với vốn Quốc ngữ phong phú và khả năng diễn đạt lưu loát cùng với tâm văn hoá sâu rộng, Đạm Phương nữ sử là nữ ký giả đạt hàng đầu về số lượng bài được đăng trên nhiều tờ báo danh tiếng khác nhau của ba miền đất nước. Trong thời kỳ đất nước bị Pháp chia làm 3 kỳ để thống trị thì Đạm Phương là người đưa ra nhiều ý tưởng mang tính thống nhất về nữ quyền, góp phần cổ vũ vai trò người phụ nữ trong cuộc đấu tranh phát triển kinh tế, xã hội.

Với những quan điểm tiến bộ và tư tưởng mang tầm thời đại, Đạm Phương nữ sử đã góp phần quan trọng trong quá trình chuyển biến về nhận thức, vị thế và việc làm của người phụ nữ mà vào thời đại đó không phải ai cũng có thể nhận thức ra được, cho đến ngày nay khi đọc lại các tác phẩm của bà, trong chúng ta vẫn cảm thấy trào dâng niềm tự hào, xúc động và ngạc nhiên.

b. Giá trị tiêu biểu về giáo dục đạo đức

Ngoài giá trị tinh thần vô giá mà nữ sử Đạm Phương đã cống hiến cho xã hội qua hàng trăm tác phẩm với nhiều thể loại khác nhau, bà còn là nhà sư phạm mẫu mực, nhà giáo dục học tân tiến và

tài hoa. Bà đã xây dựng học thuyết mới về giáo dục, một quan niệm mới, phương pháp giáo dục mới trong buổi giao thời giữa giáo dục Nho học sang giáo dục tân tiến. Theo bà, giáo dục phải là một công trình phát nở: Phát nở cơ thể, phát nở trí thức, phát nở đạo đức của con người. Quan điểm về giáo dục của Đạm Phương như đã nói, cho đến hiện nay vẫn còn rất mới. Tôn chỉ giáo dục theo bà là nam nữ phải như nhau, phải được giáo dục toàn diện cả đức dục, trí dục, thể dục. Đạm Phương khuyến khích chị em phụ nữ phải đọc sách để nâng cao hiểu biết, để làm người, để làm việc và để cống hiến cho xã hội.

Đối với giáo dục gia đình, phụ nữ và nhi đồng qua các tập sách biên khảo công phu của bà: *Bàn về vấn đề giáo dục con gái, Phụ nữ dục gia đình, Giáo dục nhi đồng, Nữ công thường thức...* Bà đưa ra một quan điểm rất mới phi truyền thống của giáo dục phương Đông là “Nhân chi sơ tính bản thiện”. Bà cho rằng: Trẻ con sinh ra không có gì là thiện mà cũng không có gì là ác, thiện ác đều do tập nhiễm của hoàn cảnh giáo dục sau này. Bà đề xướng quan điểm này nhằm đề cao vai trò giáo dục trong việc tạo ra giá trị mới về đạo đức đối với trẻ em.

Quan điểm giáo dục của Đạm Phương nữ sử được thể hiện qua bài phát biểu trong buổi lễ trọng thể khánh thành Nữ công Học hội ngày 15/6/1926: “Một cái xã hội tốt hay xấu là do tại gia đình tốt hay xấu, mà gia đình tốt hay xấu là do sự giáo dục của mỗi gia đình đối với mỗi cá nhân mà tạo ra, đàn bà vẫn có một phần trách nhiệm trong cuộc tạo nhân kết quả ấy. Vì vậy mà gây dựng một cái gia đình tốt không gì bằng xây dựng một nền đạo đức luân lý cho phụ nữ thật hoàn toàn” [2, tr.324]. Trong bối cảnh nước ta dưới chế độ thực dân - phong kiến với sự phân biệt đẳng cấp và giới tính thật nghiệt ngã cùng chính sách “chia để trị”, “ngu để trị” thì mới thấy đấu tranh nữ quyền và nâng cao nhận thức cũng như vai trò người phụ nữ đối với xã hội thật không đơn giản. Qua các di bút của Đạm Phương, chúng ta thấy được một khát vọng vô biên của bà trong giáo dục gia đình, phụ nữ và trẻ em. Vấn đề này chưa bao giờ được đặt ra trước đó, mới thấy vai trò của giáo dục theo quan điểm của bà không chỉ là bà đỡ mà góp phần cải tạo xã hội, để cho dân tộc phục hưng,

đất nước phú cường, mà khởi đầu chính là đầu tư cho nền giáo dục rất cơ bản của đất nước là giáo dục trẻ em, gia đình và phụ nữ. Từ lý thuyết và qua hoạt động thực tiễn về lãnh vực giáo dục, Đạm Phương nữ sử là người sáng lập và xác lập ngành gia đình học, phụ nữ học và giáo dục mầm non Việt Nam.

c. Về giá trị lao động và giá trị thẩm mỹ

Tính giá trị trong tiêu chí văn hoá cũng được bà Đạm Phương chú ý, đó là *việc làm* cho mọi người. Bà cho rằng: phạm làm người thì phải có làm việc, có làm việc đời người mới có giá trị. Con người ở đời phải có nghề nghiệp mới có giá trị. Muốn có tiền phải lao động, lao động trí óc và lao động chân tay đều tạo ra sản phẩm và đều có giá trị. Có sự nghiệp cầm vững trong tay mới thành con người. Người đàn bà không thể lấy sự nghiệp của chồng, của nhà chồng làm sự nghiệp của mình. Bà Đạm Phương muốn thông qua tổ chức Nữ công Học hội để chị em tạo ra những giá trị văn hoá. Không những thế, bà còn chủ trương mở trường dạy văn hóa, đạo đức, dạy nghề; tổ chức hội chợ và các hoạt động từ thiện để chị em có điều kiện khẳng định mình trong xã hội và tạo ra những giá trị văn hoá đích thực cho cộng đồng.

Văn hoá là thuộc tính của loài người, nên giáo dục làm người với phẩm chất tốt đẹp tự nó tạo ra giá trị văn hoá. Bà cho rằng: đàn ông trước khi làm chồng, làm cha phải làm người đã, đàn bà trước khi làm vợ, làm mẹ cũng phải làm người đã. Trước khi dạy đàn bà biết bốn phận trong gia đình phải dạy cho họ tư cách làm người đã. Làm người thì phải biết yêu thương, độ lượng, trung thực, trọng danh dự, biết giữ lời hứa, siêng năng, cần kiệm, ân nghĩa, biết hy sinh vì người khác.

Về giá trị thẩm mỹ được bà Đạm Phương thể hiện trong cuộc sống đời thường, qua cách ứng xử và trong một số tác phẩm của bà. Nhưng quan điểm nổi trội về cái đẹp theo Đạm Phương là lao động chân chính. Bà đã dành tâm huyết để xây dựng Nữ công Học hội là muốn tạo nên cái đẹp cho cuộc sống có ý nghĩa đối với chị em phụ nữ.

Cái đẹp theo Đạm Phương không phải do tiền bạc làm ra, do cha mẹ để lại mà do sự ứng xử thân tình, vị tha, bà viết: “Vả lại sự phú quý có phải sách bia truyền phụ thừa tử kế đâu, nó như mây nổi như chiêm bao, mai còn tối hết, tụ tán

không thường, người ta nên lấy lòng bác ái mà đả nhai thòi hơn” [4]. Bàn về giáo dục nhi đồng, bà cho rằng: Giáo dục nhi đồng là nghệ thuật của những nghệ thuật. Đối với công trình nghệ thuật này nhà nghệ sĩ không những phải có tài, có học mà nhất là phải có đạo đức. Bà so sánh giáo dục thông qua một số hình ảnh rất có ấn tượng: Uốn một cái cây chỉ cần sử dụng tiêu xảo, luyện một con thú chỉ cần một chút ân và uy, tay cầm chiếc roi da, tay cầm miếng đường là đủ lắm rồi, còn giáo dục con người dù là một đứa trẻ cũng là một công trình rất tinh vi và vĩ đại.

Quan niệm về cái đẹp, Đạm Phương vẫn coi trọng cái đẹp của tự nhiên kể cả ngoại hình lẫn đức tính. Tuy rằng, bà không phủ nhận vai trò của giáo dục và giao tiếp xã hội. Trong sách Phụ nữ dự gia đình, bà viết: “cái xinh đẹp của người đàn bà phần nhiều tự trời sinh ra, còn tốt hơn tự trang sức lấy. Chí như cách ăn ở lịch sự do tâm tính vẫn còn có ít thuộc về thiên tư, còn ra thì phải học tập ngôn từ đức hạnh, nhiên hậu người đàn bà khôn khéo đến đâu, cũng không nên vượt qua cái vòng luân lý đạo nghĩa được; nếu không như thế, thì cái trí thức tăng tiến bao nhiêu, là làm cho tai hại bấy nhiêu, vì ngoài mặt phơn phớt uốn lười, lời nói như mật rót vào tai, mà trong lòng chứa đựng nham hiểm như con rắn độc, giết người không dao, có phải là sự phô bày ra đó” [2, tr.470]. Những giá trị về cái đẹp mang tính nhân văn, nhân bản đó nếu được tạo ra lẽ sống sẽ làm cho xã hội ngày càng tốt đẹp hơn, tinh người sâu nặng hơn.

d. Tư tưởng yêu nước canh tân và giải phóng phụ nữ

Sau thất bại của phong trào Cần Vương và khởi nghĩa ở Trung Kỳ dưới ngọn cờ yêu nước của vua Duy Tân năm 1916, tiếp theo là sự thất bại về con đường cứu nước của Phan Bội Châu (1925) và cái chết của nhà yêu nước Phan Châu Trinh (1926), niềm tin về công cuộc giải phóng dân tộc từ đó gần như bị tắt lịm, bế tắc. Từ đây, tư tưởng canh tân và cuộc vận động duy tân đất nước trở thành dòng yêu nước chủ lưu được nhiều trí thức tiến bộ hồi bấy giờ ra sức cổ vũ mà Đạm Phương là trường hợp rất tiêu biểu. Nữ sử Đạm Phương không chỉ thông qua báo chí để đưa đến cho người đọc nhiều tư tưởng tiến bộ về văn hoá, giáo dục, giải phóng phụ nữ mà bà còn

biên khảo nhiều công trình về canh tân giáo dục, nâng cao vị thế người phụ nữ trong gia đình và đời sống xã hội. Bà đã sáng lập ra một tổ chức đào tạo nghề, một trường nữ học tác nghiệp đầu tiên tại Huế vào năm 1926, mới thấy ý tưởng táo bạo và năng lực tổ chức hoạt động canh tân yêu nước tài ba của bà.

Một số các lãnh tụ yêu nước đầu thế kỷ XX, lấy thanh niên làm nền tảng cách mạng nên đã đưa học sinh đi du học tại Nhật Bản, Trung Quốc... không thành công. Riêng Đạm Phương do không có điều kiện đó nên bà chọn lấy sở trường của mình là giáo dục gia đình, phụ nữ và trẻ em làm nền tảng canh tân đất nước. Và phải nói, ở lãnh vực này bà đã kiên trì đấu tranh, vận động trong hơn 10 năm và bà đã thành công. Một thành công rực rỡ nhưng chưa có người tổng kết.

Hơn thế nữa, bà còn tham gia nhiều phong trào yêu nước. Bà là cộng sự tích cực với các chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng, Đào Duy Anh... Bà thay mặt cụ Phan Bội Châu đọc văn tế tại lễ truy điệu Phan Chu Trinh tại Đàn Nam Giao (Huế, 1926), viết câu đối viếng nhà yêu nước Nguyễn Bá Học... Bà còn là chỗ dựa cho phong trào bãi khóa ở Huế của học sinh Đồng Khánh, trường Quốc Học, trường Kỹ nghệ thực hành chống lại chế độ học đường của chính quyền thực dân Pháp vào năm 1927. Những hành động mang tính dân thân đó là không bình thường đối với người phụ nữ cùng thời nên bà bị mật thám Pháp theo dõi và bà bị bắt giam ở lao Thừa Phủ. Ra tù, bà dành tâm sức để nuôi dưỡng khí chất cách mạng cho các con của bà, rồi các con bà, ai cũng có một sự nghiệp cách mạng vẻ vang và hy sinh anh dũng. Trong thời kỳ cách mạng khó khăn, thông qua Nữ công Học hội, bà đã tích cực tham gia ủng hộ phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh.

Đạm Phương là người phụ nữ tiêu biểu trong dòng chảy canh tân yêu nước trước năm 1930. Hoạt động của bà trở thành gạch nối giữa tư tưởng canh tân yêu nước đấu tranh cho dân quyền, nữ quyền với trào lưu cách mạng vô sản. Cho đến năm 1945, bà vẫn là nữ trí thức có uy tín bậc nhất ở Huế, chính phủ Trần Trọng Kim đã nhìn thấy được tài năng và phẩm chất của bà nên đã mời bà ra cộng tác với chức vụ được giao là Thứ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục, nhưng bà

đã từ chối. Quyết định này của bà không những cho chúng ta thấy bà nhận thức rất đúng với thời cuộc mà còn thể hiện phẩm chất yêu nước của một nữ trí thức hàng đầu trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

d. Ngôn ngữ - giao tiếp xuất sắc

Đạm Phương có bẩm năng về ngoại ngữ, bà học chữ Hán và trở thành nhà thơ sáng tác được 3 tập thơ chữ Hán, dịch nhiều sách cổ Trung Hoa như *Gái trinh liệt* và *Gia đình giáo dục đằm*; tiếp thu các tân thư, tân văn của các nhà tư tưởng Trung Quốc như Lương Khải Siêu, Tôn Dật Tiên... Bà tự học chữ Quốc ngữ và trở thành nhà báo, nhà văn, nhà khảo cứu có uy tín, bà viết được trên dưới hai trăm bài báo, 4 tiểu thuyết, 5 công trình khảo cứu, trao đổi thư từ và tiếp xúc nhiều nhà yêu nước, trí thức tân tiến như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Bá Học... Cho đến năm 1932, Triều đình Huế mới quyết định dùng chữ Quốc ngữ thay chữ Hán ở các tỉnh Trung kỳ. Chủ trương này được các phong trào cách mạng tích cực vận động, cổ vũ nhân dân học chữ Quốc ngữ, thì những bài báo, những cuốn sách của Đạm Phương bằng tiếng Việt được ấn hành từ năm 1918 và liên tục hơn mười năm sau, quả là có tác dụng to lớn trong việc khẳng định chữ viết của dân tộc và truyền bá chữ Quốc ngữ vào đầu thế kỷ XX. Bà tự học chữ Pháp và sử dụng thành thạo nên dịch được rất nhiều sách về nhi đồng như *Dưỡng trẻ con* và *Trường trẻ con* của Pháp, *Nhà trẻ con* của Ý, *Vườn trẻ con* của Đức; tiếp thu tư tưởng nhân quyền, tự do, bình đẳng của hệ tư tưởng cận đại phương Tây. Với vốn ngoại ngữ phong phú nên bà đọc nhiều, đi nhiều, tiếp xúc nhiều thành phần trong xã hội kể cả phu nhân của Toàn quyền Varenne, Khâm sứ Huế Pasquier, Công sứ Thừa Thiên. Trên cơ sở đó, bà đã vận dụng kiến thức Đông- Tây, kim - cổ trên những trang viết của mình nên các tác phẩm của bà có chiều sâu về tư tưởng, nhân văn, có giá trị về học thuật, văn hoá.

Không phải là chính khách cũng không là doanh nhân, Đạm Phương là người hoạt động văn hoá - người phụ nữ Việt Nam tiêu biểu thời cận đại có kiến thức uyên bác, thành thạo nhiều ngoại ngữ và giao tiếp rộng rãi với nhiều tầng lớp trong xã hội. Đây là yếu tố tạo nên thành

công của Đạm Phương và qua đó, bà để lại cho hậu thế một sự nghiệp văn hoá đáng kính nể.

g. Chế ngự bản thân và ý chí vươn lên

Một trong những phẩm chất tốt đẹp của nữ sử Đạm Phương là biết chế ngự bản thân và ý chí vươn lên, đôi khi trở thành nghịch lý của cuộc sống. Bà từ bỏ chốn lầu son gác tía, giảng dạy cho cung nữ trong Triều để làm một con người hoàn toàn mới. Đạm Phương phải tự học chữ Quốc ngữ, học ngoại ngữ, tự đào tạo để trở thành người lao động trí óc xông pha với đời dù chấp nhận cảnh túng quẫn, thiếu thốn của gia đình. Qua các ấn phẩm của bà, cho chúng ta thấy, bà cũng bị sức ép từ phía chính quyền và trong báo giới.

Có lẽ bà là phụ nữ duy nhất cho đến nay làm nhiệm vụ chủ tế khi thay mặt cụ Phan Bội Châu đọc bài văn tế cụ Phan Chu Trinh tại Đền Nam Giao vào năm 1926. Kết thúc bài văn tế, bà Đạm Phương đọc câu đối do mình soạn: "*Mấy mươi năm góc bể ven trời, vàng vạc tám cô trung, trên vì nước dưới vì dân, tinh thần vẫn lóng lai sông núi Việt*". "*Đã nhiều thườe khua chiêng gióng trống, thiết tha hồn cố quốc, trước hợp lòng, sau hợp sức, sự nghiệp đành phó thác cháu con Hồng*". Bà đã vượt qua những quy định của Triều đình, lễ giáo và của hoàng tộc để làm một việc "tày trời" đó. Bà đã dũng cảm vượt lên sự nhòm ngó, đe dọa của mật thám và chính quyền đương thời cũng vì đạo lý và lòng yêu nước. Những hành động tự nguyện này của Đạm Phương đã dẫn đến vụ bà bị bắt giam 2 tháng ở lao Thừa Phủ vào năm 1929, nhưng bà vẫn chấp nhận. Nữ công Học hội - đứa con tinh thần đầy tự hào của phụ nữ Huế và phụ nữ Việt Nam mà bà dày công xây dựng trong thời kỳ phát đạt, có cơ sở ở nhiều thành phố ở nước ta lúc bấy giờ, nhưng sau khi ra tù, vì sợ liên lụy đến tổ chức nên bà phải từ chức Hội trưởng để Hội có thể tiếp tục hoạt động.

Trong những ngày tháng bà bị giam chung với các tù nhân chính trị, hình như bà đã hiểu ra nguyên nhân thất bại của các cuộc đấu tranh chống Pháp và tìm đến một tổ chức mới với một phương thức đấu tranh mới. Bà âm thầm cho các con của mình (Nguyễn Khoa Tú, Nguyễn Khoa Văn, Nguyễn Khoa Châu) tham gia hoạt động Cách mạng. Bà vẫn nhận ra đó là con đường gian khổ, hy sinh nhưng bà vẫn vun đắp chí lớn cho các con. Tháng 11/1931, người con trai trưởng

là Nguyễn Khoa Tú bị Pháp bắt tại Sài Gòn, bị địch tra khảo, bị đầu độc và đã hy sinh. Cùng lúc đó, quân Pháp bắt Nguyễn Khoa Văn- Thành uỷ viên, lúc đang hoạt động tại Thành uỷ Sài Gòn-Chợ Lớn, rồi giải ra Huế xử án. Đến tháng 3 năm 1932, chồng bà - ông Nguyễn Khoa Tùng lâm bệnh nặng và qua đời. Trước những đau thương, mất mát to lớn đó tưởng chừng không thể có người mẹ, người vợ nào chịu đựng được nhưng bà Đạm Phương bằng nghị lực phi thường đã tiếp tục vun đắp chí lớn cho con, cho cháu. Bà còn dành thời gian nghiên cứu để biên soạn các sách về giáo dục nhi đồng, phụ nữ, Phật học với niềm tin vào thế hệ sau sẽ xây dựng đất nước phú cường. Bà vẫn tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng, ngày Huế vỡ mặt trận, bà Đạm Phương đã 65 tuổi, nhưng đành phải rời quê hương và ngôi chùa Ba La Mật yêu quý, theo con trai Nguyễn Khoa Văn tản cư ra Thanh Hóa, đến cuối năm 1947, bà qua đời ở đây.

h. Tổ chức xã hội phát triển

Một trong những tổ chức xã hội mà bà Đạm Phương đã sáng lập, cống hiến và trở thành niên biểu sự kiện thành lập hội đoàn đầu tiên của phụ nữ Việt Nam là sự ra đời *Nữ công Học hội* ở Huế vào ngày 15/6/1926. Mục đích của Hội được ghi trong Điều lệ là: Tập luyện nữ công thực nghiệp, phụ nữ chức vụ, khai đạo trí thức nữ tử [7, tr.204]. Như vậy, Hội có nhiệm vụ đào tạo nghề, bồi dưỡng nghiệp vụ, chức vụ trong gia đình và xã hội, nâng cao kiến thức cho phụ nữ.

Nhân đoàn của Viện Nhân dân đại biểu Trung Kỳ do Viện trưởng Huỳnh Thúc Kháng dẫn đầu đến thăm *Nữ công Học hội*, Chủ tịch Hội Đạm Phương đọc bài diễn văn đã nêu rõ mục đích của Hội: *“Bây giờ mà hô hào nữ quyền ở nước ta chưa phải là muộn. Vì nhân quyền đối với nữ quyền vẫn là một dây liên lạc mật thiết với nhau... Chưa đủ tư cách làm người thì nhân quyền cũng vô vị mà có hại... Nếu muốn kéo lại nữ quyền thì trước hết phải tìm nhân cách cho nữ giới, phải tảo trừ cái bệnh nô lệ đó, thuốc chi bây giờ... Bài thuốc ấy chính là mục đích quan trọng thứ nhất của bản Hội. Cái bài thuốc ấy là gây cho bạn quần thoa một cái tinh thần tự lập bằng các nghề nghiệp của mình trong phạm vi tri thức Đông phương - Tây phương hoà hợp với nhau đó, sau hết là kết một sợi dây đoàn thể để*

bên vực lợi quyền cho nhau” [7, tr.218].

Trong *Diễn văn tại lễ Khánh thành Nữ công học hội*, với sự có mặt các quan chức hàng đầu của Pháp, Nam triều và đông đảo quan khách, bà Hội trưởng Đạm Phương đã nhấn mạnh về trách nhiệm người phụ nữ Việt Nam trong giai đoạn mới mà *Nữ công học hội* phải đặc biệt chú trọng: *“Chúng tôi xin nhắc lại nữ giới Việt Nam đối với xã hội Việt Nam lại còn nặng nề hơn nữa là vì gồm cả sự hưng trường, cả sự nội trợ vậy”* [2, tr.324].

Đối với hội viên, bà Đạm Phương giải thích về mục đích của Hội: *“Nữ công Học hội lập ra là cốt để bày vẽ các chị em tránh cho khỏi tình ý lại, khỏi thói nô lệ, khỏi loài vi trùng ung độc đã nói trên kia, xin các chị phải nhớ... Xa thì bọn thoa quần Âu Mỹ, gần lại chị em một nhánh Hồng Lạc, ngoài Bắc trong Nam, nghìn vạn con mắt vượt mấy tầng không khí mà trông về cái mâm tự trị này. Xin các chị phải nhớ”* [5].

Ngày 28/6/1926, *Nữ công Học hội* khai giảng khoá đầu tiên, có mời cụ Phan Bội Châu đến diễn thuyết, bài diễn thuyết có đoạn: *“Nước Nam ta xưa nay việc hội hè rất ít, mà ít nhất là lại là hội về phần con gái đàn bà. Hội Nữ công thành lập giữa kinh đô ấy là việc lạ lùng ít ỏi đã mấy ngàn trăm năm mà bây giờ mới phát hiện...”*. Kết thúc bài diễn thuyết, cụ Phan tặng cho Hội một chiếc máy đánh bằng chữ Quốc ngữ; quả là một khích lệ lớn cho Hội lúc mới thành lập.

Hội thu hút hội viên cả ba miền đất nước và của nước Lào đến học tập và sinh hoạt định kỳ. Năm 1927, Hội đã xuất bản sách *Nữ quốc dân tu tri*, để làm tài liệu, bản thảo do cụ Phan Bội Châu tặng. Hội đã cử hội viên ra các tỉnh Nghệ An, Nam Định, Hà Nội, Hà Đông... để học nghề nữ công gia chánh đem về Huế giảng dạy. Bà Hội trưởng Đạm Phương còn đi diễn thuyết ở nhiều nơi, cổ vũ cho Hội và vận động hội viên, lưu hành các ấn phẩm của Hội, khuyến khích thành lập các cơ sở mới ở Đà Nẵng, Hội An, Sài Gòn, Cần Thơ, Gò Công. Bà Đạm Phương là người sáng lập, là Hội trưởng đầu tiên, bà lập Điều lệ, soạn chương trình, định hướng tư tưởng, chịu trách nhiệm tổ chức và quản lý Hội. Bà là thầy dạy chữ, dạy nghề, hướng dẫn chị em học tập nhằm phát huy tài năng, trí tuệ, nâng cao vai trò của chị em phụ nữ đối với xã hội. *Nữ công*

Học hội là một sản phẩm độc đáo vào thời cận đại Việt Nam ra đời tại Kinh đô Huế do một nữ hoàng phái - cháu nội của vua Minh Mạng sáng lập theo tư tưởng canh tân đất nước là một hiện tượng hiếm có trong lịch sử. Nữ công Học hội ra đời trước tất cả đảng phái chính trị tại Huế và là tổ chức phụ nữ đầu tiên của Việt Nam có tôn chỉ, điều lệ, trụ sở, ban lãnh đạo, tài khoản riêng. Vị thế của Hội nhanh chóng ảnh hưởng đến các cấp, các ngành ở xứ Đông Dương, phạm vi hoạt động của Hội không những trên cả nước mà còn lan toả sang Lào. Nữ công Học hội là niềm tự hào của nhân dân Thừa Thiên Huế và của phụ nữ Việt Nam.

i. Tái tạo và sáng tạo văn hoá

Là nhà văn hoá là phải biết nghiên cứu về văn hoá, bao gồm văn hoá truyền thống, văn hoá đương đại, văn hoá đời sống mới tái tạo và sáng tạo. Năm 1923, bà Đạm Phương đã hoàn thành công trình nghiên cứu *Lược khảo về Tuồng hát An Nam*. Đây là công trình nghiên cứu đầu tiên về tuồng cung đình Huế mở đầu cho ngành nghiên cứu tuồng cổ Việt Nam bằng chữ Quốc ngữ. *Lược khảo về Tuồng hát An Nam* là một sản phẩm vừa mang tính tái tạo, vừa mang tính sáng tạo văn hoá.

Về vấn đề giáo dục, Đạm Phương có nhiều công trình nghiên cứu hơn cả. Bà cho rằng: “Giáo dục không phải là một công trình trói buộc người ta. Giáo dục là một công trình bồi bổ để nảy nở tất cả những năng lực cao quý trong một người” [2, tr.511]. Quan điểm giáo dục đó của Đạm Phương rõ ràng là quan điểm sư phạm tiên tiến, cho đến hiện nay vẫn còn rất mới, vì nó mang tính tái tạo và sáng tạo của ý nghĩa văn hoá. Trên cơ sở kết hợp giáo dục truyền thống với hiện đại, của Việt Nam với phương Đông và phương Tây nên công trình nào của bà cũng thể hiện sự uyên bác, chính chắn của nhà nghiên cứu, Đạm Phương xứng đáng là người tiên phong trong việc canh tân giáo dục trước năm 1945.

Về giáo dục gia đình, giáo dục phụ nữ và giáo dục nhi đồng qua nghiên cứu nền giáo dục cổ truyền Việt Nam mà chủ yếu thông qua thực tiễn cuộc sống, vận dụng quan điểm, ý tưởng giáo dục của phương Tây, phương Đông để dẫn dụ nên bà có những lập luận sắc bén, dễ thuyết

phục, nhất là giáo dục lòng hiếu thảo của con cái đối với cha mẹ.

Về giáo dục đạo vợ chồng, qua thực tiễn cuộc sống bà cho rằng: Vợ chồng hoà thuận thì gia đạo hưng vượng... người vợ không phải là nô lệ của chồng, người vợ phục tòng về đạo đức chứ không phục tòng về oai quyền.

Về giáo dục phụ nữ, bà Đạm Phương không phải là người đề xướng đầu tiên so với Phạm Quỳnh và một số nhà nghiên cứu khác, nhưng các công trình của Đạm Phương toàn diện hơn cho tất cả các thành phần là phụ nữ trong xã hội, đa dạng hơn, phong phú và hấp dẫn hơn nên mang lại hiệu quả to lớn hơn và trực tiếp đi vào cuộc sống hàng ngày của nữ giới.

Về giáo dục nhi đồng, Đạm Phương rất kỳ vọng vào tuổi thơ, giáo dục nhi đồng được thực hiện chu đáo là chuẩn bị cho dân tộc một thế hệ công dân tự lực, tự cường, tự chủ để gánh vác giang sơn, xây dựng đất nước như thực tế đã diễn ra sau năm 1945.

Đạm Phương viết trong Lời nói đầu của cuốn sách *Giáo dục nhi đồng*: “Thiếu niên là tương lai của quốc gia, hương hoá của chủng tộc” [2, tr.481]. Đạm Phương cho rằng, giáo dục nhi đồng phải được đặt lên hàng đầu trong các lứa tuổi: “Trước khi nói giáo dục thanh niên, hãy nói đến giáo dục nhi đồng đã. Vì giáo dục nhi đồng là nền tảng cho tất cả các giáo dục” [2, tr.482].

Nữ công học hội là một sản phẩm giáo dục toàn diện mang tính văn hoá phát triển. Văn hoá phát triển thông qua sự chất lọc, kế thừa và được hiện đại hoá theo quy luật phát triển của xã hội. Cùng với các công trình nghiên cứu về giáo dục, văn học, sự ra đời và hoạt động của Nữ công Học hội, đã làm cho Đạm Phương xứng đáng là nhà tái tạo và sáng tạo văn hoá rất đặc trưng vào nửa đầu thế kỷ XX.

*

Đạm Phương là nữ trí thức yêu nước tiêu biểu trong nửa đầu thế kỷ XX, là người phụ nữ thông thạo nhiều ngoại ngữ, uyên thâm về văn hoá dân tộc, văn hoá phương Đông và phương Tây, là nhà văn nữ viết tiểu thuyết đầu tiên của nước ta, là nhà báo xuất sắc nhất trên lĩnh vực đấu tranh nữ quyền và sự tiến bộ của phụ nữ, là người khai sinh ra ngành nghiên cứu tuồng cổ Việt Nam. Đạm Phương Nữ sử là nhà giáo dục học ở vị trí

hàng đầu trong việc đặt nền móng cho ngành giáo dục nhi đồng, giáo dục phụ nữ, giáo dục gia đình Việt Nam.

Đạm Phương nữ sử là cháu nội của hoàng đế Minh Mạng, con của một hoàng thân có nhiều uy lực, bản thân cũng là một nữ quan có nhiều danh vọng, nhưng bà đã vượt lên trên những danh lợi và ưu ái mà bà đang được hưởng. Đạm Phương tự mình tạo nên sự nghiệp mới, đó là công cuộc đấu tranh vì sự bình đẳng và tiến bộ xã hội, đấu tranh yêu nước mà tiêu biểu nhất là đấu tranh nữ quyền để xây dựng con người mới, gia đình mới, một xã hội mới năng động và phát triển. Với ý nghĩa đó, bà trở thành bà mẹ, là người đỡ đầu cho hàng trăm con em là thành viên của Nữ công Học hội; là người mẹ, người bà của của các chiến sĩ cách mạng, trong đó có Nguyễn Khoa Văn (Hải Triều) thuộc thế hệ cộng sản đầu tiên của tỉnh Thừa Thiên Huế. Vì dân, vì nước và sự tiến bộ của xã hội là nguồn sức mạnh vô biên giúp cho Đạm Phương bút phá được “phong cách mẹ” để trở thành một nhân vật của công chúng. Cuộc đời và hoạt động của Đạm Phương

là một dẫn chứng mang tính phản đề về một “phong cách chậm chạp” tưởng như là hằng số khi nhìn nhận về người Huế hôm nay.

Đánh giá về tư tưởng yêu nước tiến bộ của Đạm Phương, Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan trong bài phát biểu tại Hội thảo khoa học Kỷ niệm 130 năm ngày sinh Đạm Phương nữ sử tại thành phố Huế (18/6/2011) cho rằng: “Tư tưởng của bà về các lãnh vực nêu trên thật độc đáo, đi trước thời đại, lại được đưa ra từ thời cận đại Việt Nam. Đây là một hiện tượng đặc biệt của lịch sử Việt Nam, nhất là đối với một công nương - cháu nội của vua Minh Mạng, nhưng tiếc rằng tư tưởng đó chưa được nghiên cứu sâu để khẳng định” [6, tr.12].

Trên các tiêu chí được tiếp cận về văn hoá, Đạm Phương tuy bà đã được tôn vinh với nhiều danh hiệu cao quý khác nhau, nhưng sự nghiệp của Đạm Phương bao trùm lên tất cả là sự nghiệp văn hoá, bà là danh nhân văn hoá của đất nước, là nữ danh nhân văn hoá tiêu biểu trong trào lưu canh tân yêu nước vào nửa đầu thế kỷ XX.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đặng Thị Vân Chi, (2011), “Vai trò của nữ nhà báo Việt Nam trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc” in trong *Phụ nữ Việt Nam trong di sản văn hóa dân tộc*, Hội khoa học lịch sử Thừa Thiên Huế, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2] Lê Thanh Hiền sưu tầm, biên soạn, giới thiệu; Nguyễn Khoa Điềm bổ sung, sửa chữa (2010), *Tuyển tập Đạm Phương nữ sử*, NXB Văn học.
- [3] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đông Khánh, Khải Định chính yếu*, Bản dịch, NXB Thời Đại - Trung tâm Văn hoá ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2010.
- [4] *Lục tỉnh Tân văn*, số 1234, ngày 5/9/1922, Tài liệu mới sưu tầm của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm.
- [5] *Lục tỉnh Tân văn*, số 2412, ngày 1/9/1926, Tài liệu mới sưu tầm của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm.
- [6] *Đạm Phương nữ sử - Chân dung nhà văn hoá Việt Nam đầu thế kỷ XX*, NXB Chính trị Quốc gia, 2012, tr.12.
- [7] *Về Đạm Phương nữ sử*, Tài liệu gia đình, Nguyễn Khoa Điềm sưu tập, Bản in của soạn giả, Huế - Hà Nội, tháng 7/2010.